TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 214/2023/QĐST-HNGĐ

P, ngày 25 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*

-Bà **Dương Thị Th T**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Khu phố Song Th 3, thị trấn Phan Rí Cửa, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận

-Ông **Lê Văn Th**, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường Đức Long, TpP, tỉnh Bình Thuận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Dương Thị Th T và ông Lê Văn Th đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Đức Long, Tp P, tỉnh Bình Thuận ngày 29/10/2015, số 151/2015, quyển số 01/2015. Nay bà T, ông Th xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Th T và ông Lê Văn Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Đăng K, sinh ngày 20/12/2015 và Lê Dương Bảo A, sinh ngày 22/9/2018. Ông bà thỏa thuận sau ly hôn sẽ giao 02 con chung là Đăng K và Bảo A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn ông Th vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Dương Thị Th T và ông Lê Văn Th nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự. Ngày 11/10/2023 ông Th, bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018821 tại Chi cục thi hành án thành phố P. Ông Th và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6,7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Quốc Trí